

Số: 18 /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 04 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước
về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng
11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của
Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi
phạm hành chính; Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành
chính;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin
và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số
19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ
luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Thông tư số 01/2023/TT-
BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chế độ báo
cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 9 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, ban hành kèm theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật
xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**
(Kèm theo Quyết định số: 18/2024/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.
- Hoạt động phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo tính kịp thời, chặt chẽ, thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành công tác giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, có sự phân định cơ quan chịu trách nhiệm chính và cơ quan phối hợp; quá trình phối hợp không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của các bên cơ quan có liên quan.

Điều 4. Nội dung phối hợp

- Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Phối hợp trong việc giải quyết hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.

6. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính.

7. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức các cuộc họp; hội nghị sơ kết, tổng kết.

3. Tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành.

4. Các hình thức phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 6. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

b) Xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về xử lý vi phạm hành chính theo quy định;

c) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cá nhân, tổ chức, báo chí về những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý;

b) Rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động triển khai, xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Biên soạn tài liệu dưới các hình thức phù hợp để phục vụ công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức phổ biến pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, ngành mình quản lý;

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính do Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức.

Điều 8. Phối hợp trong việc giải quyết hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trách nhiệm của người lập biên bản vi phạm hành chính; thủ trưởng cơ quan người lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định pháp luật có liên quan;

b) Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì lập hồ sơ xử phạt và chuyển hồ sơ xử phạt đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn quy định. Hồ sơ gồm có: Biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; văn bản tham mưu trình người có thẩm quyền xử phạt do thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính đề xuất; dự thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Thực hiện việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi được người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính giao trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính (theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt);

đ) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính, người lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện việc xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính và thực hiện việc tổ chức giải trình theo quy định;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Cho ý kiến đối với hồ sơ vụ việc theo Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng, quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Cao Bằng khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét giao Phòng Tư pháp hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu rà soát hồ sơ thuộc thẩm quyền xử phạt hoặc thuộc thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trên cơ sở quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 9. Phối hợp kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Trong công tác kiểm tra

a) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành Kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; phối

hợp với Sở Tư pháp trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Trong công tác thanh tra

a) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện thanh tra trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

b) Trình tự, thủ tục thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 10. Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh để kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do đơn vị mình thực hiện vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 11. Phối hợp trong công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ thống kê về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

3. Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 12. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ hằng năm

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý của địa phương mình gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, địa phương mình về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp);

c) Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định;

d) Nội dung, thời gian chốt số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ và Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí tổ chức thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do các đơn vị bố trí trong dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Điều 14. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm được giao theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.